

NGHỊ QUYẾT

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%)
phân chia giữa các cấp ngân sách thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2022
và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc
hội về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2022;*

*Thực hiện Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 237/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ
phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định; Báo cáo
thẩm tra số 188/BC-KTNS ngày 25 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần
trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm
2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, hội đặc thù, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các cấp ngân sách

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định (chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Từ năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh có giải pháp tích cực để đảm bảo ngân sách chi cho đầu tư phát triển và chi hoạt động thường xuyên theo Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch tài chính 5 năm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021 -2025 đối với phần thiếu hụt do Trung ương giảm tỷ lệ điều tiết (8%) cho ngân sách tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố); Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện, từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã (xã, phường, thị trấn) so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách cấp huyện, cấp xã tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên. Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh

quyết định thu về ngân sách cấp trên số tăng thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp dưới để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ Tài chính;
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài PH-TH tỉnh;
- Lưu: VT, STC, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Phạm Viết Thanh

Phụ lục I

PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH THUỘC TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU NĂM 2022 VÀ CÁC NĂM TRONG THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH THEO QUY ĐỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
I	Các khoản thu mỗi cấp ngân sách (tỉnh, huyện, xã) được hưởng 100%				
1	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán	100%			
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
2.1	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ cá nhân kinh doanh			100%	100%
2.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu trên địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
2.3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ các đối tượng còn lại : nông trường, hợp tác xã ... trên địa bàn cấp huyện còn lại	100%			
3	Lệ phí trước bạ				
3.1	Lệ phí trước bạ nhà, đất phát sinh trên địa bàn xã, thị trấn		50%	50%	
3.2	Lệ phí trước bạ nhà, đất phát sinh trên địa bàn phường		50%		50%
3.3	Lệ phí trước bạ khác		100%		
4	Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, nhà ở tái định cư (bao gồm cả đất), cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước				
4.1	Trường hợp có cơ chế riêng thì thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Tỷ lệ điều tiết thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền			

		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
4.2	Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, nhà ở tái định cư (bao gồm cả đất), cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước còn lại	100%			
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100%	100%
6	Lệ phí môn bài				
6.1	Lệ phí môn bài thu từ đơn vị sự nghiệp công lập				
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý	100%			
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý		100%		
6.2	Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp; cá nhân kinh doanh				
6.2.1	Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100%			
6.2.2	Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do Cục Thuế tỉnh và Chi cục Thuế trực tiếp thu		100%		
6.2.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân kinh doanh				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại			100%	100%

		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
7	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu	100%			
8	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	100%			
9	Các khoản phí, lệ phí phần nộp ngân sách theo quy định (không bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài)				
	Đơn vị cấp tỉnh quản lý và tổ chức thu	100%			
	Đơn vị cấp huyện quản lý và tổ chức thu		100%		
	Đơn vị cấp xã quản lý và tổ chức thu			100%	100%
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			100%	100%
11	Thu sự nghiệp, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật				
	Đơn vị cấp tỉnh quản lý và tổ chức thu	100%			
	Đơn vị cấp huyện quản lý và tổ chức thu		100%		
	Đơn vị cấp xã quản lý và tổ chức thu			100%	100%
12	Thu huy động, đóng góp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật				
	- Cấp tỉnh huy động	100%			
	- Cấp huyện huy động		100%		
	- Cấp xã huy động			100%	100%

		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
13	Thu vay của ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 6, Điều 7, Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13	100%			
14	Thu xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương quyết định thực hiện thực hiện xử phạt, tịch thu				
	Cơ quan nhà nước cấp tỉnh ra quyết định	100%			
	Cơ quan nhà nước cấp huyện ra quyết định		100%		
	Cơ quan nhà nước cấp xã ra quyết định			100%	100%
15	Thu kết dư				
	Ngân sách cấp tỉnh	100%			
	Ngân sách cấp huyện		100%		
	Ngân sách cấp xã			100%	100%
16	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	100%			
	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh		100%		
	Bổ sung từ ngân sách cấp huyện			100%	100%
17	Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau				
	Ngân sách cấp tỉnh	100%			
	Ngân sách cấp huyện		100%		
	Ngân sách cấp xã			100%	100%
18	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài				
	Viện trợ cho cấp tỉnh	100%			

		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
	Viện trợ cho cấp huyện		100%		
	Viện trợ cho cấp xã			100%	100%
19	Thu khác ngân sách theo quy định của pháp luật				
19.1	Trường hợp có văn bản hướng dẫn riêng của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Tỷ lệ điều tiết thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền			
19.2	Thu khác ngân sách theo quy định của pháp luật còn lại				
	Cấp tỉnh quyết định	100%			
	Cấp huyện quyết định		100%		
	Cấp xã quyết định			100%	100%
20	Thu tiền sử dụng khu vực biển (phần NSDP được hưởng theo quy định)	100%			
21	Thuế bảo vệ môi trường	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			
22	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước (phần NSDP được hưởng theo quy định)	100%			
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách địa phương				
1	Thuế giá trị gia tăng (GTGT) không kể thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, hoạt động xổ số điện toán				
1.1	Thuế GTGT thu từ đơn vị sự nghiệp công lập				
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý	100%			

		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý		100%		
1.2	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp; cá nhân kinh doanh				
1.2.1	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước				
1.2.1.1	Thuế GTGT từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước có trụ sở chính nằm ngoài địa bàn tỉnh có hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng và chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là doanh nghiệp vắng lai)		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
1.2.1.2	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước (không bao gồm doanh nghiệp vắng lai)				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			
1.2.2	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh				

		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
1.2.2.1	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh có trụ sở chính nằm ngoài địa bàn bản tỉnh có hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng và chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là doanh nghiệp vắng lai)		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
1.2.2.2	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh còn lại (không bao gồm doanh nghiệp vắng lai)				
	- Địa bàn thành phố Vũng Tàu	18% phần NSTW điều tiết cho NSDP	82% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn thị xã Phú Mỹ	0% phần NSTW điều tiết cho NSDP	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
1.2.3	Thuế GTGT thu từ cá nhân kinh doanh				

		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
	- Địa bàn thành phố Vũng Tàu	18% phần NSTW điều tiết cho NSDP	41% phần NSTW điều tiết cho NSDP	41% phần NSTW điều tiết cho NSDP	41% phần NSTW điều tiết cho NSDP
	- Địa bàn thị xã Phú Mỹ	0% phần NSTW điều tiết cho NSDP	50% phần NSTW điều tiết cho NSDP	50% phần NSTW điều tiết cho NSDP	50% phần NSTW điều tiết cho NSDP
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại		50% phần NSTW điều tiết cho NSDP	50% phần NSTW điều tiết cho NSDP	50% phần NSTW điều tiết cho NSDP
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) không kể thuế TNDN hàng hóa nhập khẩu, thuế TNDN thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, hoạt động xổ số điện toán				
2.1	Thuế TNDN thu từ đơn vị sự nghiệp công lập				
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý	100%			
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý		100%		
2.2.	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp				

		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
2.2.1	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước				
2.2.1.1	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước có trụ sở chính ngoài tỉnh có hoạt động chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là doanh nghiệp vắng lai)		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
2.2.1.2	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước (không bao gồm doanh nghiệp vắng lai)				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			
2.2.2	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh				
2.2.2.1	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh có trụ sở chính ngoài tỉnh có hoạt động chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là doanh nghiệp vắng lai)		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		

A	B	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
		1	2	3	4
2.2.2.2	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh còn lại (không bao gồm doanh nghiệp vắng lai)				
	- Địa bàn thành phố Vũng Tàu	18% phần NSTW điều tiết cho NSDP	82% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn thị xã Phú Mỹ	0% phần NSTW điều tiết cho NSDP	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
3	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa dịch vụ trong nước (không kể thuế TTĐB thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, hoạt động xổ số điện toán)				
3.1	Thuế TTĐB thu từ đơn vị sự nghiệp công lập				
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			

		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
3.2	Thuế TTĐB thu từ doanh nghiệp; cá nhân kinh doanh				
3.2.1	Thuế TTĐB thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			
3.2.2	Thuế TTĐB thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh				
	- Địa bàn thành phố Vũng Tàu	18% phần NSTW điều tiết cho NSDP	82% phần NSTW điều tiết cho NSDP		

		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
	- Địa bàn thị xã Phú Mỹ	0% phần NSTW điều tiết cho NSDP	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
3.2.3	Thuế TTĐB thu từ cá nhân kinh doanh				
	- Địa bàn thành phố Vũng Tàu	18% phần NSTW điều tiết cho NSDP	41% phần NSTW điều tiết cho NSDP	41% phần NSTW điều tiết cho NSDP	41% phần NSTW điều tiết cho NSDP
	- Địa bàn thị xã Phú Mỹ	0% phần NSTW điều tiết cho NSDP	50% phần NSTW điều tiết cho NSDP	50% phần NSTW điều tiết cho NSDP	50% phần NSTW điều tiết cho NSDP
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		

		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
	- Địa bàn cấp huyện còn lại		50% phần NSTW điều tiết cho NSDP	50% phần NSTW điều tiết cho NSDP	50% phần NSTW điều tiết cho NSDP
4	Thuế Tài nguyên (không kể tài nguyên thu từ các hoạt động dầu, khí)				
4.1	Thuế tài nguyên thu từ đơn vị sự nghiệp công lập				
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý	100%			
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý		100%		
4.2	Thuế tài nguyên thu từ doanh nghiệp; cá nhân kinh doanh				
4.2.1	Thuế Tài nguyên thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100%			
4.2.2	Thuế Tài nguyên thu từ các doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh				
	- Địa bàn thành phố Vũng Tàu		100%		
	- Địa bàn thị xã Phú Mỹ		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại		100%		
4.2.3	Thuế tài nguyên thu từ cá nhân kinh doanh				
	- Địa bàn thành phố Vũng Tàu			100%	100%
	- Địa bàn thị xã Phú Mỹ			100%	100%
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		

A	B	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
		1	2	3	4
	- Địa bàn cấp huyện còn lại			100%	100%
5	Thuế thu nhập cá nhân				
	- Thuế thu nhập cá nhân (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công) do Chi Cục thuế cấp huyện trực tiếp thu		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Thuế thu nhập cá nhân còn lại	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			
6	Tiền sử dụng đất				
6.1	Tiền sử dụng đất thu từ các dự án có cơ chế riêng (như dự án thực hiện theo cơ chế nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư, qua thực hiện công tác đấu giá, thực hiện cam kết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư ...) hoặc các dự án có ảnh hưởng lớn đến cân đối thu-chi NSDP thì được thực hiện riêng theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Tỷ lệ điều tiết thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền			
6.2	Tiền sử dụng đất còn lại (không bao gồm tiền sử dụng đất thu từ các dự án có cơ chế riêng (như dự án thực hiện theo cơ chế nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư, qua thực hiện công tác đấu giá, thực hiện cam kết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư ...) hoặc các dự án có ảnh hưởng lớn đến cân đối thu-chi NSDP)				

		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	50%	50%		
7	Tiền thuê đất, thuê mặt nước				
7.1	Tiền thuê đất thu từ các dự án thực hiện theo cơ chế riêng (như dự án thực hiện theo cơ chế nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư, qua thực hiện công tác đấu giá, thực hiện cam kết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư ...) hoặc các dự án có ảnh hưởng lớn đến cân đối thu-chi NSDP thì được thực hiện riêng theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Tỷ lệ điều tiết thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền			
7.2	Tiền thuê đất còn lại (không bao gồm tiền thuê đất thu từ các dự án thực hiện theo cơ chế riêng (như dự án thực hiện theo cơ chế nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư, qua thực hiện công tác đấu giá, thực hiện cam kết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư ...) hoặc các dự án có ảnh hưởng lớn đến cân đối thu-chi NSDP)), tiền thuê mặt nước				
7.2.1	Trong khu công nghiệp, khu chế xuất	100%			
7.2.2	Ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	50%	50%		
8	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				

A	B	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
		1	2	3	4
8.1	Giấy phép do Trung ương cấp	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			
8.2	Giấy phép do UBND tỉnh cấp				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	50%	50%		
9	Tiền chậm nộp tiền thuế, lệ phí, tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất.	Theo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia của từng khoản thuế, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất quy định tại Mục I và			

./.

Phụ lục II

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH THUỘC TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU NĂM 2022 VÀ CÁC NĂM TRONG THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH THEO QUY ĐỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	Cấp Tỉnh	Cấp Huyện	Cấp Xã
A	B	C	D
I	Chi Đầu tư phát triển	Chi Đầu tư phát triển	Chi Đầu tư phát triển
1	Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội do cấp tỉnh quản lý.	Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội do cấp huyện quản lý theo phân cấp Riêng đối với thị xã, thành phố: nhiệm vụ chi trên còn bao gồm chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, các công trình phúc lợi công cộng khác theo quy định tại Điểm d, Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13.	Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội do cấp xã quản lý theo phân cấp.
2	Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật.		Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do HĐND cấp xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý.

STT	Cấp Tỉnh	Cấp Huyện	Cấp Xã
A	B	C	D
3	Phần chi đầu tư phát triển trong các chương trình quốc gia do các cơ quan địa phương thực hiện.	Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.	Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.
4	Các khoản chi Quy hoạch theo quy định của pháp luật.	Các khoản chi Quy hoạch theo quy định của pháp luật.	
II	Chi Thường xuyên	Chi Thường xuyên	Chi Thường xuyên
1	Các hoạt động kinh tế.	Các hoạt động kinh tế.	Các hoạt động kinh tế.
1.1	Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và biện pháp an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý.	Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông nội thị, giao thông khác do cấp huyện quản lý theo phân cấp của tỉnh.	Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa đường giao thông nông thôn, đường hẻm nội thị và các công trình thuộc cấp xã quản lý theo phân cấp của tỉnh.
1.2	- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, diêm nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê do cấp tỉnh quản lý; các công trình thủy lợi cấp 1; hoạt động của các trạm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, trung tâm khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do các đơn vị cấp tỉnh quản lý thực hiện.	- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, diêm nghiệp và lâm nghiệp: + Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê do cấp huyện quản lý; các công trình thủy lợi cấp 2; hỗ trợ công tác khuyến nông, khuyến ngư; bảo vệ phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do các đơn vị cấp huyện thực hiện.	- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, diêm nghiệp và lâm nghiệp: + Duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy nông thuộc cấp xã quản lý. + Hỗ trợ công tác khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm.
1.3	- Sự nghiệp thị chính cấp tỉnh.	- Sự nghiệp thị chính cấp huyện.	- Sự nghiệp thị chính cấp xã.

STT	Cấp Tỉnh	Cấp Huyện	Cấp Xã
A	B	C	D
1.4	- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính; đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác do cơ quan cấp tỉnh thực hiện.	- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính; đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác do cơ quan cấp huyện thực hiện.	
1.5	- Điều tra cơ bản do cấp tỉnh thực hiện.	- Điều tra cơ bản do đơn vị cấp huyện thực hiện để phục vụ yêu cầu quản lý, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội do cấp huyện thực hiện.	
1.6	- Các hoạt động sự nghiệp về môi trường do cơ quan cấp tỉnh thực hiện.	- Các hoạt động sự nghiệp về môi trường do cơ quan cấp huyện thực hiện theo phân cấp.	- Các hoạt động sự nghiệp về môi trường do cơ quan cấp xã thực hiện theo phân cấp.
1.7	- Chi quy hoạch và các sự nghiệp kinh tế khác do cấp tỉnh quản lý.	- Chi quy hoạch và các sự nghiệp kinh tế khác do cấp huyện quản lý.	- Các sự nghiệp kinh tế khác do cấp xã quản lý.
2	Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo dạy nghề, y tế, xã hội văn hóa thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do địa phương quản lý.	Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao và các sự nghiệp khác theo phân cấp của tỉnh.	Các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, truyền thanh ở cấp xã.

STT	Cấp Tỉnh	Cấp Huyện	Cấp Xã
A	B	C	D
2.1	Giáo dục phổ thông (bao gồm các trường chuyên biệt: trường chuyên Lê Quý Đôn, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường Nuôi dạy trẻ Khiếm thị và trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật), giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông và các hoạt động giáo dục khác do cấp tỉnh quản lý.	Giáo dục phổ thông, chương trình xóa mù chữ, giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở; nhà trẻ, mẫu giáo và các hoạt động giáo dục khác do cấp huyện quản lý. Riêng huyện Côn Đảo kể cả cấp trung học phổ thông.	
2.2	Đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác	Chi công tác đào tạo, bồi dưỡng các trung tâm chính trị. Chi bồi dưỡng và đào tạo lại cán bộ, công chức khối đảng, đoàn thể, quản lý nhà nước cấp huyện, xã	
2.3	Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện.	Chi phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác do cấp huyện quản lý.	Chi các hoạt động y tế do cấp xã quản lý.
2.4	Các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác do cơ quan cấp tỉnh thực hiện.	Chi phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác thuộc cấp huyện quản lý.	
2.5	Bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác.	Các hoạt động thư viện, trung tâm văn hóa, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác do cấp huyện quản lý.	Hỗ trợ hoạt động của các trung tâm văn hóa, các đoàn biểu diễn nghệ thuật quần chúng, chi các hoạt động văn hóa khác do cấp xã quản lý.

STT	Cấp Tỉnh	Cấp Huyện	Cấp Xã
A	B	C	D
2.6	Phát thanh truyền hình và các hoạt động thông tin khác.	Phát thanh, truyền thanh, tiếp kênh truyền hình và các hoạt động thông tin khác.	Chi sự nghiệp truyền thanh các hoạt động thông tin khác ở cấp xã.
2.7	Bồi dưỡng, huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh, quản lý cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác.	Các hoạt động thể dục, thể thao cấp huyện quản lý	Hỗ trợ các hoạt động thể dục thể thao ở cơ sở
2.8	Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật và công nghệ; thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác	Chi ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác	Chi ứng dụng khoa học công nghệ khác
2.9	Các sự nghiệp khác do cấp tỉnh quản lý	Các sự nghiệp khác do cấp huyện quản lý	
3	Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do cấp tỉnh thực hiện.	Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do cấp huyện thực hiện.	Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội.
3.1	Quốc phòng.	Quốc phòng.	Công tác dân quân tự vệ.
	- Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân.	- Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân.	- Công tác đăng ký nghiệp vụ quân sự, công tác nghiệp vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

STT	Cấp Tỉnh	Cấp Huyện	Cấp Xã
A	B	C	D
	- Xây dựng và huy động lực lượng động viên.	- Xây dựng và huy động lực lượng động viên.	- Chỉ huấn luyện dân quân tự vệ, các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật dân quân tự vệ.
	+ Công tác tuyển quân, chính sách hậu phương quân đội.	+ Công tác tuyển quân, chính sách hậu phương quân đội.	
	+ Xây dựng, huấn luyện và các hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ tập trung.	Huấn luyện dân quân tự vệ.	
	- Xây dựng và hoạt động của Bộ đội Biên phòng theo quy định của pháp luật.		
	- Các nhiệm vụ khác về quốc phòng do ngân sách tỉnh đảm bảo theo quy định của Chính phủ.	- Các nhiệm vụ khác về quốc phòng do ngân sách cấp huyện đảm bảo theo quy định của pháp luật.	- Các nhiệm vụ khác về quốc phòng do ngân sách cấp xã đảm bảo theo quy định của pháp luật.
3.2	An ninh: hỗ trợ các chiến dịch phòng ngừa, phòng chống các loại tội phạm, hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh trật tự và trật tự an toàn xã hội; hỗ trợ công tác phòng cháy, chữa cháy, hỗ trợ sửa chữa nhà tạm giam, tạm giữ; hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc.	- An ninh; tuyên truyền, giáo dục, quần chúng bảo vệ an ninh trật tự, hỗ trợ thực hiện chiến dịch giữ gìn an ninh trật tự ở cơ sở; hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc ở cơ sở.	- An ninh; tuyên truyền, vận động quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự an toàn, xã hội trên địa bàn cấp xã; hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn cấp xã.

STT	Cấp Tỉnh	Cấp Huyện	Cấp Xã
A	B	C	D
4	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp tỉnh.	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp huyện.	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp xã.
5	Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.	Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp huyện: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam.	Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam.
6	Hỗ trợ các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp: tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp ở cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.	Hỗ trợ các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp: tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp ở cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật.	Hỗ trợ các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp: tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp ở cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật
7	Đảm bảo xã hội: thực hiện các chính sách xã hội với các đối tượng do cấp tỉnh quản lý.	Đảm bảo xã hội: thực hiện các chính sách xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói và các hoạt động đảm bảo xã hội khác đối với các đối tượng thuộc cấp huyện quản lý.	Chi công tác xã hội. - Trợ cấp trẻ mồ côi, người già neo đơn, người tàn tật không nơi nương tựa thuộc cấp xã quản lý. - Chi thăm hỏi các gia đình chính sách, cứu tế xã hội và công tác xã hội khác.
8	Phân chi thường xuyên cho các chương trình quốc gia.		
9	Trợ giá theo chính sách của Nhà nước.	Trợ giá theo chính sách của Nhà nước.	

STT	Cấp Tỉnh	Cấp Huyện	Cấp Xã
A	B	C	D
10	Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu cấp tỉnh.	Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu cấp huyện.	Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu cấp xã.
11	Các khoản chi thường xuyên khác của ngân sách theo quy định của pháp luật.	Các khoản chi thường xuyên khác của ngân sách theo quy định của pháp luật.	Các khoản chi thường xuyên khác của ngân sách theo quy định của pháp luật.
III	Chi trả lãi vay để đầu tư các dự án từ các nguồn vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay lại từ nguồn Chính phủ vay để cho vay lại và các khoản vay trong nước theo quy định tại Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13		
IV	Chi bổ sung dự trữ tài chính		
V	Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã	
VI	Chi chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách cấp tỉnh năm sau	Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện năm trước sang ngân sách cấp huyện năm sau	Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước sang ngân sách cấp huyện năm sau